

Quản lý nhà nước du lịch sinh thái - Cơ sở để phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam

■ Ths. LÊ VĂN MINH

Trong những năm qua, du lịch sinh thái đã và đang phát triển nhanh chóng ở nhiều quốc gia trên thế giới và ngày càng thu hút được sự quan tâm rộng rãi của các tầng lớp xã hội, đặc biệt đối với những người có nhu cầu tham quan du lịch và nghỉ ngơi. Ngoài ý nghĩa góp phần bảo tồn tự nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học và văn hóa cộng đồng; sự phát triển du lịch sinh thái đã và đang mang lại những nguồn lợi kinh tế to lớn, tạo cơ hội tăng thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho quốc gia cũng như cộng đồng người dân các địa phương, nhất là người dân ở các vùng sâu, vùng xa - nơi có các khu bảo tồn tự nhiên và các cảnh quan hấp dẫn. Ngoài ra, du lịch sinh thái còn góp phần vào việc nâng cao dân trí và sức khỏe cộng đồng thông qua các hoạt động giáo dục môi trường, văn hóa lịch sử và nghỉ ngơi giải trí. Chính vì vậy ở nhiều nước trên thế giới và trong khu vực, bên cạnh các lợi ích về kinh tế, du lịch sinh thái còn được xem như một giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường sinh thái thông qua quá trình làm giảm sức ép khai thác nguồn lợi tự nhiên phục vụ nhu cầu của khách du lịch, của người dân địa phương khi tham gia vào các hoạt động du lịch.

Nằm ở vành đai khí hậu nhiệt đới gió mùa, lãnh thổ Việt Nam trải dài trên 15 độ vĩ tuyến với ba phần tư là địa hình đồi núi và cao nguyên, với hơn 3200 km đường bờ biển, hàng nghìn hòn đảo... và trên lãnh thổ đó là nơi sinh sống của cộng đồng 54 dân tộc với lịch sử hàng nghìn năm dựng nước, đấu tranh giữ nước với nhiều truyền thống có những nét đặc trưng riêng, nhiều di tích văn hóa lịch sử nên Việt Nam có nhiều điều kiện phát triển du lịch sinh thái.

Về các tiềm năng tự nhiên cho phát triển du lịch sinh thái, nét thể hiện rõ nhất là ở Việt

Nam có sự đa dạng sinh học khá cao, cũng như các hệ sinh thái đặc trưng.

Về thành phần các loài động thực vật, tại Việt Nam có tới 14.624 loài thực vật thuộc gần 300 họ, trong đó có nhiều loài cổ xưa và hiếm có, ví dụ như tuế phát triển từ Đại Trung Sinh, các loài có giá trị kinh tế gồm hơn 1000 loài lấy gỗ, 100 loài có dầu, hơn 1000 loài cây thuốc, 100 loài quả rừng ăn được... Về động vật có tới 11.217 loài và phân loài, trong đó có 1.009 loài và phân loài chim, 265 loài thú, 349 loài bò sát lưỡng cư, 2000 loài cá biển, hơn 500 loài cá nước ngọt và hàng nghìn loài tôm, cua, nhuyễn thể và thủy sinh vật khác. Về các loài thú, Việt Nam có 10 loài đặc trưng nhiệt đới: cheo, đười ươi, chồn bay, cầy mực, cu li, vượn, tê tê, voi, heo vòi, tê giác và đặc biệt, trong thế kỷ 20 có 5 loài thú lớn mới được phát hiện thì đều ở Việt Nam. Điều này chứng tỏ tính đa dạng sinh học của nước ta còn khá cao và có thể còn có nhiều loài sinh vật mới có mặt tại Việt Nam.

Cùng với các loài động thực vật tự nhiên, Việt Nam là một trong những nơi của cây trồng nhân tạo. Trên thế giới có 8 trung tâm cây trồng thì 3 trung tâm tập trung ở khu vực Đông Nam Á với khoảng 270 loài cây nông nghiệp, riêng tại Việt Nam đã có hơn 200 loài cây trồng. Đây là tiền đề cho tổ chức du lịch sinh thái.

Về các hệ sinh thái tự nhiên, Việt Nam có một số hệ sinh thái đặc trưng gồm:

Hệ sinh thái san hô khá giàu về thành phần loài, tương đương với các khu vực giàu san hô khác ở Tây Thái Bình Dương, trong đó ở khu vực ven bờ phía Bắc có 95 loài, ở khu vực ven bờ phía Nam có 255 loài. Trong các rạn san hô quần tụ nhiều loài sinh vật khác nhau, nhiều loài có màu sặc sỡ và có giá trị kinh tế cao.

Hệ sinh thái đất ngập nước ở các vùng có

(*) Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch

những đặc thù riêng, trong đó nổi bật là các hệ sinh thái ngập mặn ven biển trải dài suốt dọc bờ biển từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Mũi Nai (Kiên Giang). Tiêu biểu nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long phân bố một diện tích lớn các hệ sinh thái đất ngập nước, chủ yếu là các hệ sinh thái ngập mặn và các hệ sinh thái đất ngập phèn. Trong các hệ sinh thái ngập mặn thì các hệ sinh thái rừng ngập mặn châu thổ sông Cửu Long nuôi dưỡng một số lớn diệc, cò, cò lớn, cò quăm. Tại đây, có các sân chim lớn của Việt Nam. Rừng ngập mặn là nơi sinh sản, cư trú của nhiều hải sản, chim nước, chim di cư và các loài động vật có ý nghĩa kinh tế lớn như khỉ, lợn rừng, kỳ đà, chồn, trăn... Một dạng hệ sinh thái đất ngập nước điển hình khác là các đầm lầy nội địa hoặc đầm phá ven bờ, trong đó có các hệ sinh thái rừng tràm U Minh, tứ giác Long Xuyên là nổi tiếng. Các hệ sinh thái đầm lầy nội địa kết hợp với các vùng sinh lầy cửa sông tạo nên các vùng đất ngập nước lớn ở hai châu thổ, nơi có số lượng lớn chim cư trú và chim di cư hàng năm cùng với nguồn lợi quý là mật ong rừng.

Hệ sinh thái vùng cát ven biển của nước ta đa dạng với 600 nghìn ha, tập trung chủ yếu ở ven biển miền Trung (30% tổng diện tích). Các nhóm hệ sinh thái cát hình thành trên các loại cát khác nhau: hệ sinh thái vùng cồn cát trắng vàng; hệ sinh thái vùng đất cát biển; hệ sinh thái vùng đất cát đỏ. Đặc biệt lớn là khối cát đỏ ở tây bắc Phan Thiết với các cồn di động (do gió tạo nên) vừa có sức hấp dẫn lớn với du khách, vừa có thể phục vụ sản xuất nông nghiệp (trồng hoa màu, dưa hấu, đào lộn hột..).

Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới với nét đặc trưng là hệ thống các khu rừng đặc dụng là nơi lưu trữ các nguồn gen quý của nước ta phân bố ở khắp từ Nam ra Bắc, từ đất liền tới các hải đảo. Tính đến năm 2004, cả nước có 107 khu rừng đặc dụng trong đó có 28 vườn quốc gia, 43 khu bảo tồn thiên nhiên và 34 khu rừng văn hóa - lịch sử - môi trường với tổng diện tích là 2.092.466 ha.

Các tiềm năng nhân văn cho phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam cũng rất đa dạng và phong phú. Dân tộc Việt Nam có hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước với nền văn

hóa đa dạng bản sắc của 54 dân tộc anh em, trong đó có nhiều tài nguyên đặc biệt có giá trị. Chỉ tính riêng về các di tích, trong số khoảng 40.000 di tích hiện có thì hơn 2.500 di tích được Nhà nước chính thức xếp hạng. Tiêu biểu nhất cố đô Huế; đô thị cổ Hội An, thánh địa Mỹ Sơn, nhã nhạc Cung đình Huế đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Ngoài các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, nhiều nghề thủ công truyền thống với kỹ năng độc đáo, nhiều lễ hội gắn liền với các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ dân gian đặc sắc của cộng đồng 54 dân tộc cùng với những nét riêng, tinh tế của nghệ thuật ẩm thực được hòa quyện, đan xen trên nền kiến trúc phong cảnh có giá trị triết học phương Đông đã tạo cho Việt Nam sức hấp dẫn về du lịch.

Mặc dù có tiềm năng phát triển, song du lịch sinh thái ở Việt Nam mới ở giai đoạn khởi đầu. Đối với nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam, du lịch sinh thái còn là loại hình du lịch mới cả về khái niệm lẫn tổ chức quản lý và khai thác sử dụng tài nguyên phục vụ cho mục đích du lịch. Công tác nghiên cứu, điều tra cơ bản và quy hoạch phát triển du lịch sinh thái còn hạn chế. Nhiều địa phương, nhiều công ty lữ hành đã cố gắng xây dựng một số chương trình, tuyến du lịch mang sắc thái của du lịch sinh thái đã được xây dựng song quy mô và hình thức còn đơn điệu, mờ nhạt, sản phẩm và đối tượng thị trường còn chưa rõ nên ít có khả năng thu hút khách. Mặt khác việc đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ điều hành quản lý, hướng dẫn viên du lịch sinh thái còn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

Tuy là loại hình du lịch khá mới ở nước ta, nhưng trước nhu cầu của thị trường và khả năng đáp ứng của các tiềm năng du lịch sinh thái của Việt Nam, tại một số nơi hoạt động du lịch sinh thái cũng đã hình thành dưới các hình thức khai thác tiềm năng tài nguyên du lịch tự nhiên khác nhau như du lịch tham quan, nghiên cứu ở một số khu vườn quốc gia (Cát Bà, Cúc Phương, Ba Bể, Nam Cát Tiên, Tam Nông, U Minh...); du lịch thám hiểm, nghiên cứu vùng núi cao như PhanXiPăng; du lịch tham quan miệt vườn, sông nước đồng bằng sông Cửu Long; du lịch lặn biển (Hạ Long - Cát Bà, Nha

Trang), thám hiểm hang động (Phong Nha)... Thị trường khách của loại hình du lịch sinh thái ở Việt Nam còn rất hạn chế. Phần lớn khách du lịch quốc tế đến các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên là từ các nước Tây Âu, Bắc Mỹ và Ô-xtrây-li-a, còn khách nội địa là sinh viên, học sinh và cán bộ nghiên cứu. Trong số khách du lịch quốc tế đến Việt Nam hàng năm chỉ có khoảng 5-8% tham gia vào các chuyến đi du lịch sinh thái tự nhiên và khoảng 40-45% tham gia vào các chuyến đi du lịch tham quan - sinh thái nhân văn. Còn đối với thị trường khách du lịch nội địa tỷ lệ này thấp hơn.

Nhận thức rõ vai trò của du lịch sinh thái đối với sự phát triển của ngành du lịch nói riêng và bảo vệ tài nguyên, môi trường bảo đảm cho sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, vào tháng 9/1999, Tổng cục Du lịch Việt Nam phối hợp với Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN) và ủy ban Kinh tế - Xã hội Châu Á Thái Bình Dương (ESCAP) tổ chức Hội thảo quốc tế về xây dựng khung chiến lược phát triển du lịch sinh thái làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược phát triển du lịch Việt Nam cũng như đẩy mạnh hợp tác phát triển hoạt động du lịch sinh thái của Việt Nam với các nước trong khu vực và quốc tế. Tại hội thảo này, các chuyên gia và các nhà quản lý du lịch Việt Nam cùng phối hợp với chuyên gia quốc tế đã xây dựng định nghĩa du lịch sinh thái như sau: "Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào tự nhiên và văn hóa, có giáo dục môi trường, đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, có sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương". Đây là cơ sở lý luận khá quan trọng tạo tiền đề cho việc tổ chức triển khai các hoạt động thực tiễn đẩy mạnh phát triển loại hình du lịch sinh thái trong thời gian tiếp theo. Cùng với việc xây dựng định nghĩa về du lịch sinh thái; những nguyên tắc, những yêu cầu cơ bản của hoạt động du lịch sinh thái cũng được thảo luận và đưa ra tại hội thảo này.

Để đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái Việt Nam theo định hướng chiến lược phát triển du lịch đã được Chính phủ phê duyệt, căn cứ vào sự phân bố về mặt không gian của các vùng sinh thái đặc thù với sự có mặt của

các loài sinh vật đặc hữu, cũng như căn cứ vào các điều kiện về kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng..., trong tương lai định hướng tổ chức không gian cho hoạt động du lịch sinh thái ở Việt Nam có thể theo các hướng sau:

Vùng núi và ven biển Đông Bắc: bao gồm các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Hải Phòng. Các giá trị du lịch sinh thái ở khu vực này là hệ sinh thái trên núi đá vôi, hệ sinh thái đất ngập nước, hệ sinh thái san hô... Tiêu biểu là khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Sơn, Hữu Liên (Lạng Sơn); vườn quốc gia Ba Bể (Bắc Cạn); hồ Núi Cốc (Thái Nguyên); vườn quốc gia Bái Tử Long (Quảng Ninh); vườn quốc gia Cát Bà (Hải Phòng); hệ sinh thái san hô ở khu vực Hạ Long và Cát Bà... Các loại hình du lịch sinh thái có thể tổ chức được bao gồm tham quan nghiên cứu các hệ sinh thái đặc thù, du lịch mạo hiểm, du lịch lặn biển.

Vùng núi Tây Bắc - Hoàng Liên Sơn: không gian hoạt động du lịch sinh thái ở vùng này chủ yếu bao gồm phần phía tây của hai tỉnh Lào Cai và Lai Châu với vùng sinh thái núi cao SaPa - Phan Xi Păng có nhiều loài sinh vật ôn đới và Vườn quốc gia Hoàng Liên nơi có tới 38 loài động vật thuộc loài quý hiếm cần được bảo vệ. Các loại hình du lịch sinh thái có thể tổ chức được ở khu vực này bao gồm: tham quan nghiên cứu các hệ sinh thái vùng núi cao, du lịch mạo hiểm.

Vùng đồng bằng sông Hồng: với không gian chủ yếu thuộc các tỉnh Hà Tây, Vĩnh Phúc, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình. Trên phạm vi không gian vùng du lịch sinh thái này có bốn vườn quốc gia là Ba Vì, Tam Đảo, Xuân Thủy và Cúc Phương. Căn cứ vào các đặc điểm sinh thái tự nhiên và điều kiện có liên quan hoạt động du lịch sinh thái ở vùng này chủ yếu là tham quan nghiên cứu các hệ sinh thái đặc thù kết hợp với thắng cảnh và du lịch văn hóa.

Vùng Bắc Trung Bộ: bao gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và khu vực đông nam Thừa Thiên-Huế, phần phía tây Đà Nẵng và Quảng Nam. Địa bàn này được đánh giá có tính đa dạng sinh học cao với nhiều vườn quốc gia (Bến En, Pù Mát, Vũ Quang, Phong Nha-Kẻ Bàng, Bạch Mã) là những khu

rừng nguyên sinh rộng lớn. Đây cũng là vùng mà trong thời gian qua đã phát hiện ba loài thú mới là sao la, mang lớn và voọc Hà Tĩnh. Ngoài tính đa dạng sinh học, ở vùng này còn có Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng với động Phong Nha được công nhận là di sản thế giới. Chính vì vậy tiềm năng du lịch sinh thái ở vùng này là rất lớn. Các loại hình du lịch sinh thái có thể tổ chức được ở khu vực này bao gồm: tham quan nghiên cứu các hệ sinh thái, du lịch mạo hiểm, du lịch lặn biển...

- *Vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên*: bao gồm phần phía tây của Tây Nguyên, một phần phía bắc Lâm Đồng xuống đến Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận. Các hệ sinh thái điển hình của vùng bao gồm hệ sinh thái rừng khộp mà tiêu biểu ở Yok Đon, hệ sinh thái đất ngập nước ở Hồ Lắc, hệ sinh thái vùng núi cao ở Ngọc Linh, Bidoup - Núi Bà, hệ sinh thái san hô ở Nha Trang, hệ sinh thái cát ở Mũi Né... Đây là vùng tập trung nhiều hệ sinh thái điển hình và cũng là nơi được thế giới công nhận có tính đa dạng sinh học cao, là nơi duy nhất ở Việt Nam và các nước Đông-Nam á có đủ bốn loài bò xám và bò sừng xoắn và cũng là nơi còn có nhiều loài chim, thú, bò sát, cá, các loài thực vật thuộc diện quý hiếm, đặc hữu ở Việt Nam và trên thế giới. Các loại hình du lịch sinh thái có thể tổ chức được ở khu vực này bao gồm: tham quan nghiên cứu các hệ sinh thái, du lịch mạo hiểm, du lịch lặn biển.

- *Vùng Đông Nam Bộ*: không gian chủ yếu bao gồm khu vực Vườn quốc gia Cát Tiên (Lâm Đồng - Bình Phước - Đồng Nai), Vườn quốc gia Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), khu dự trữ sinh quyển Cánh Giò (TP.Hồ Chí Minh)... Tính đa dạng sinh học của vùng này cũng được đánh giá là khá cao với nhiều hệ sinh thái điển hình, trong đó đáng chú ý là các hệ sinh thái ở Cát Tiên với loài tê giác Gia-va... Các loại hình du lịch sinh thái chủ yếu có thể tổ chức được ở vùng này bao gồm: tham quan nghiên cứu các hệ sinh thái điển hình, du lịch mạo hiểm...

- *Vùng đồng bằng sông Mê Công*: với hai hệ sinh thái điển hình là đất ngập nước và rừng ngập mặn, không gian hoạt động du lịch sinh thái ở vùng này chủ yếu tập trung ở các tỉnh dọc sông Mê Công và các tỉnh Bạc Liêu,

Cà Mau và Kiên Giang. Rừng ngập mặn Cà Mau; tràm chim Đồng Tháp - nơi bảo tồn loài sếu cổ trụi; các Vườn quốc gia U Minh Thượng, Phú Quốc là những nơi có giá trị đặc biệt cho hoạt động du lịch sinh thái. Ngoài ra, các miệt vườn, đặc biệt trên các cù lao dọc sông Tiền, sông Hậu... là những điểm du lịch sinh thái hấp dẫn của vùng. Tính độc đáo của hoạt động du lịch nói chung, du lịch sinh thái nói riêng ở vùng đồng bằng sông Mê Công là du lịch sông nước, miệt vườn.

Tóm lại, du lịch sinh thái là hoạt động du lịch mới phát triển một vài thập kỷ gần đây và đang trở thành một xu hướng tích cực để đảm bảo sự phát triển du lịch bền vững gắn liền với việc bảo tồn thiên nhiên và môi trường, các giá trị nhân văn giàu bản sắc văn hóa của mọi dân tộc, thông qua việc giáo dục nhận thức của xã hội, của cộng đồng. Việt Nam là một nước có điều kiện và tiềm năng phát triển du lịch sinh thái với những ưu thế của thiên nhiên nhiệt đới ẩm, địa hình, cảnh quan đa dạng với nhiều hệ sinh thái điển hình khác nhau từ vùng núi cao nguyên đến vùng đồng bằng ven biển và hải đảo. Trên những khu vực cảnh quan này là địa bàn cư trú của hàng chục các dân tộc thiểu số trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam với những phong tục tập quán, nền văn nghệ dân gian đặc sắc.

Để đảm bảo sự phát triển bền vững của du lịch nói riêng và công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của nước ta nói chung, du lịch sinh thái là loại hình cần được đẩy mạnh phát triển trên cơ sở khai thác hợp lý các thế mạnh tiềm năng của tài nguyên du lịch Việt Nam. Để đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái đòi hỏi phải có sự chỉ đạo, phối kết hợp đồng bộ thể hiện ở ba lĩnh vực chủ yếu: chủ trương đường lối chính sách của Nhà nước, sự quản lý điều hành của chính quyền các cấp và sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương.

Trong tương lai không xa, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn ngành dưới sự chỉ đạo của Tổng cục Du lịch theo định hướng mà Đảng và Nhà nước đã chỉ rõ, chắc chắn du lịch sinh thái sẽ là tiền đề để phát triển du lịch bền vững, góp phần đáng kể vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.■